

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1973. Địa chỉ: 35 N V X, phường H B, thị xã A P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Việt Á Châu Tầng 9, Tòa nhà VNO số 124 Điện Biên Phủ, phường Đ K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2023). (Có mặt)

2- Bị đơn: Công ty TNHH MTV P T N. Địa chỉ: 08 P Đ L, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Mỹ V. Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trọng T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 5, phường T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2023). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Ngày 05/7/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X với Công ty TNHH MTV P T N đã ký hợp đồng kinh tế số 05.07/2021/HĐKT về việc mua bán đá cấp phối, theo đó hai bên thỏa thuận đơn giá cấp phối 37.5 giá 190.000 đồng/khối, đá cấp phối 25 giá 210.000đồng/khối. Khối lượng được xác định theo khối lượng thực tế tại thời điểm phát sinh. Ngày 10/8/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X với Công ty TNHH MTV Phạm Thiên N đã ký Phụ lục số 01/2021/PLHĐ kèm theo Hợp đồng kinh tế số 05.07/2021/HĐKT ngày 05/7/2021 về việc điều chỉnh đơn giá mua bán đá cấp phối. Ngày 25/8/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X với Công ty TNHH MTV P T N đã ký Hợp đồng kinh tế 25.08/2021/HĐKT về việc mua cát xây dựng. Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng nêu trên, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X với Công ty TNHH MTV P T N thường xuyên cập nhật tiến độ, thường xuyên lập Biên bản đối chiếu công nợ nội bộ để làm cơ sở cho việc thanh toán. Ngày 31/7/2021, các bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ nội bộ đính kèm bảng kê các loại đá cấp phối, theo đó tính đến ngày 31/7/2021, Công ty TNHH MTV P T N còn nợ nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X số tiền 1.989.600.000 đồng. Ngày 31/8/2021 các bên tiếp tục lập biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/8/2021, Công ty TNHH MTV P T N còn nợ nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X số tiền 2.646.210.000 đồng, sau khi lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2021 phía bị đơn có mua thêm vật liệu cát đá của bà Xuân với số tiền là 106.580.000 đồng, thời gian từ ngày 28/9/2021 đến ngày 10/12/2021 Công ty TNHH MTV P T N đã chuyển khoản trả cho bà X tổng số tiền là 800.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại bị đơn chưa thanh toán. Tính đến thời điểm khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X đã hoàn tất nghĩa vụ mua bán, cung cấp vật liệu đá cấp phối, cát xây dựng cho Công ty TNHH MTV P T N theo các hợp đồng nêu trên nhưng Công ty TNHH MTV P T N chưa hoàn tất thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nội dung đã cam kết chỉ thanh toán được cho bà X số tiền 800.000.000 đồng. Nay nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV P T N phải trả cho bà Phạm Thị Thanh X số tiền 1.952.790.000 đồng tiền gốc và lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả tạm tính số tiền lãi là 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.952.790.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) trên số tiền nợ gốc là 1.952.790.000 đồng, thời điểm tính lãi từ ngày 11/12/2021 cho đến ngày 25/9/2023 với tổng số tiền lãi là 353.337.822 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

*** Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

Bị đơn thừa nhận Công ty TNHH MTV P T N hiện đang còn nợ bà Phạm Thị Thanh X số tiền nợ gốc 1.952.790.000 đồng, vì Công ty TNHH MTV P T N cũng đang gặp khó khăn trong hoạt động nên xin trả dần số tiền nợ trên, đối với số tiền lãi bị đơn xin nguyên đơn số tiền lãi này vì hiện nay không có khả năng trả lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Công ty TNHH MTV P T N phải trả số tiền 1.952.790.000 đồng nợ gốc và lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả đối với việc mua bán, cung cấp vật liệu đá cấp phối, cát xây dựng cho Công ty TNHH MTV P T N, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp chung là vụ án “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

Đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh X được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Công ty TNHH MTV P T N có địa chỉ trụ sở chính tại số 08 P Đ L, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn là Công ty TNHH MTV P T N không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 05/7/2021 giữa bà Phạm Thị Thanh X và Công ty TNHH MTV P T N ký kết Hợp đồng kinh tế số 05.07/2021/HĐKT về việc mua bán cấp đá phối đến ngày 10/8/2021 ký Phụ lục 01/2021/PLHĐ kèm theo Hợp đồng kinh tế nói trên về việc điều chỉnh đơn giá trong hợp đồng. Ngày 25/8/2021 giữa bà Phạm Thị Thanh X và Công ty TNHH MTV P T N ký Hợp đồng kinh tế số 25.08/2021/HĐKT về việc mua cát xây dựng. Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 31/7/2021 Công ty TNHH MTV P T N còn nợ lại bà X số tiền 1.989.600.000 đồng (công nợ xác nhận

từ ngày 08/7/2021 đến ngày 31/7/2021). Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 31/8/2021 Công ty TNHH MTV P T N còn nợ lại bà X số tiền 2.646.210.000 đồng (công nợ xác nhận từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/8/2021), sau khi lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2021 phía bị đơn có mua thêm vật liệu cát đá của bà X với số tiền là 106.580.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà X đã hoàn tất nghĩa vụ mua bán, cung cấp vật liệu đá cấp phối, cát xây dựng cho Công ty TNHH MTV P T N tuy nhiên Công ty TNHH MTV P T N chưa thanh toán đầy đủ số tiền đã cam kết theo các biên bản đối chiếu công nợ chỉ thanh toán được cho nguyên đơn tổng số tiền là 800.000.000 đồng (ngày 28/9/2021 thanh toán số tiền 200.000.000 đồng, ngày 13/10/2021 thanh toán số tiền 200.000.000 đồng, ngày 04/11/2021 thanh toán số tiền 300.000.000 đồng và ngày 10/12/2021 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng), số tiền nợ còn lại bị đơn chưa thanh toán cho bà X. Tính đến nay Công ty TNHH MTV P T N còn nợ lại bà X số tiền 1.952.790.000 đồng nợ gốc phát sinh từ các hợp đồng kinh tế nói trên, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV P T N trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.952.790.000 đồng và lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét Hợp đồng kinh tế số 05.07/2021/HĐKT về việc mua bán cấp đá phối và Phụ lục 01/2021/PLHĐ ngày 10/8/2021 kèm theo Hợp đồng kinh tế nói trên về việc điều chỉnh đơn giá trong hợp đồng và Hợp đồng kinh tế số 25.08/2021/HĐKT ngày 25/8/2021 về việc mua cát xây dựng giữa bà Phạm Thị Thanh X và Công ty TNHH MTV P T N được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Vì vậy, Hợp đồng kinh tế này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện, quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ, phía bị đơn sau khi đối chiếu xác nhận công nợ đã trả cho bà X được số tiền 800.000.000 đồng. Mặc khác quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH MTV P T N thừa nhận còn nợ bà Phạm Thị Thanh X số tiền 1.952.790.000 đồng nợ gốc (số tiền phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên) do đó yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh X là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh X buộc Công ty TNHH MTV P T N trả cho bà Phạm Thị Thanh X số tiền 1.952.790.000 đồng tiền gốc. Yêu cầu xin trả dần số tiền nợ gốc của Công ty TNHH MTV P T N không được bà Phạm Thị Thanh X đồng ý, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về lãi suất:

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn xin không tính lãi của số tiền nợ gốc, đề nghị này của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) trên số tiền nợ gốc (1.952.790.000 đồng), thời điểm tính lãi từ ngày 11/12/2021 đến ngày 25/9/2023 với tổng số tiền lãi là 353.337.822 đồng.

Xét Hợp đồng kinh tế số 05.07/2021/HĐKT về việc mua bán cấp đá phối và Phụ lục 01/2021/PLHĐ ngày 10/8/2021 kèm theo Hợp đồng kinh tế nói trên về

việc điều chỉnh đơn giá trong hợp đồng và Hợp đồng kinh tế số 25.08/2021/HĐKT ngày 25/8/2021 được ký kết giữa bà Phạm Thị Thanh X và Công ty TNHH MTV P T N không có quy định về việc trả lãi do vi phạm việc chậm thanh toán, tuy nhiên theo quy định tại Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, bị đơn Công ty TNHH MTV P T N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất mà Công ty TNHH MTV P T N phải trả cho bà X là: 1.952.790.000 đồng + 353.337.822 đồng = 2.306.127.822 đồng.

[5] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39, 70, 72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh X

Buộc Công ty TNHH MTV P T N phải trả cho bà Phạm Thị Thanh X số tiền 2.306.127.822 đồng (Hai tỉ ba trăm lẻ sáu triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 1.952.790.000 đồng và 353.337.822 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH MTV P T N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 78.122.556 đồng sung quỹ Nhà nước.

Bà Phạm Thị Thanh X không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thanh X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.527.900 đồng theo biên lai số 0003233 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Đình Hoảng Doãn Thị Lệ

Nguyễn Thị Hồng Thắm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

